

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hương.
- Ông Phạm Văn Tám.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc Th, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 1, xã B Đ, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Ngọc T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp 1, xã B Đ, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

(Bà Thu có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Tuồng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Ngọc Th trình bày:

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên vào năm 1997 bà và ông Võ Ngọc T xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/2003.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp 1, xã B Đ, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 - 3 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Tuồng thường hay nhậu nhẹt, chửi bới đánh đập bà và ghen tuông vô cớ. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Tuồng không thay đổi. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau đã

03 năm nay, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tuồng.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà và ông Tuồng có 03 con chung tên Võ Tấn Đạt, sinh năm 1999, Võ Tấn Thành, sinh ngày 12/12/2010 và Võ Tấn Tài, sinh ngày 16/7/2014. Hiện con chung tên Võ Tấn Đạt đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên Võ Tấn Thành và Võ Tấn Tài đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là Võ Tấn Thành và Võ Tấn Tài, bà không yêu cầu ông Tuồng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản hòa giải ngày 15/01/2024, bản trình bày ý kiến ngày 22/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Ngọc T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Thu về quá trình chung sống và điều kiện kết hôn.

Ông và bà Thu kết hôn với nhau do quen biết, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/2003.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp 1, xã B Đ, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng ông cũng có nhậu dẫn đến vợ chồng cãi vã. Ngoài ra, vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Nay bà Thu yêu cầu ly hôn, ông cho rằng ông còn thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống ông và bà Thu có 03 con chung tên Võ Tấn Đạt, sinh năm 1999, Võ Tấn Thành, sinh ngày 12/12/2010 và Võ Tấn Tài, sinh ngày 16/7/2014. Hiện con chung tên Võ Tấn Đạt đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện con chung tên Võ Tấn Thành và Võ Tấn Tài đang sống với bà Thu. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, thì ông đồng ý để bà Thu được trực tiếp nuôi 02 con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu trường hợp bà Thu không đồng ý nuôi con chung thì ông yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà Thu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Nguyên đơn bà Lê Ngọc Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Tuồng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Ngọc Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Ngọc T, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”. Bị đơn là ông Võ Ngọc T có địa chỉ cư trú tại ấp 1, xã B Đ, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Do đó, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Lê Ngọc Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Võ Ngọc T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Thu và ông Tuồng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét thấy, bà Lê Ngọc Th và ông Võ Ngọc T do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/2003, hôn nhân của bà Thu và ông Tuồng là hợp pháp. Bà Thu và ông Tuồng do quen biết và đi đến hôn nhân, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Theo bà Thu, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông Tuồng thường hay nhậu nhẹt, chửi bới đánh đập bà và ghen tuông vô cớ. Ông Tuồng xác định thỉnh thoảng ông có nhậu nhẹt dẫn đến vợ chồng cãi vã, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, ông muốn vợ chồng đoàn tụ vì ông còn thương vợ con. Ông Tuồng yêu cầu được đoàn tụ nhưng ông không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong khi đó, bà Thu xác định bà Thu không thể tiếp tục sống chung với ông Tuồng, bà Thu không đồng ý đoàn tụ và cương quyết ly hôn với ông Tuồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà Thu và ông Tuồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà Thu được ly hôn với ông Tuồng phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Thu và ông Tuồng xác định quá trình chung sống bà Thu, ông Tuồng có 03 con chung tên Võ Tấn Đạt, sinh năm 1999, Võ Tấn Thành, sinh ngày 12/12/2010 và Võ Tấn Tài, sinh ngày 16/7/2014. Hiện con chung tên Võ Tấn Đạt đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu Thành và cháu Tài đang sống cùng bà Thu, bà Thu yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, tại bản tự khai của cháu Thành và cháu Tài thì nguyện vọng của cháu Thành và cháu Tài là sống cùng với bà Thu. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về môi trường sinh hoạt của cháu Thành và cháu Tài, bà Thu yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thu không yêu cầu ông Tuồng cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thu, ông Tuồng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung nên Hội

đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí: Buộc bà Lê Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc Th đối với ông Võ Ngọc T về việc ly hôn.

Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc Th được ly hôn với ông Võ Ngọc T.

Về nuôi con chung: Bà Lê Ngọc Th và ông Võ Ngọc T có ba con chung là Võ Tấn Đạt, sinh năm 1999, Võ Tấn Thành, sinh ngày 12/12/2010 và Võ Tấn Tài, sinh ngày 16/7/2014. Hiện con chung tên Võ Tấn Đạt đã trưởng thành. Giao hai con chung tên Võ Tấn Thành, sinh ngày 12/12/2010 và Võ Tấn Tài, sinh ngày 16/7/2014 cho bà Lê Ngọc Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thu không yêu cầu ông Tuồng cấp dưỡng nuôi con nên ông Tuồng không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Lê Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006885 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Bà Thu đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THADS huyện Bến Lức;
- UBND thị trấn Thủ Thừa,
huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo